



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>442.048.374.593</b>	<b>428.033.687.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>
1. Tiền	111		54.333.874.317	14.201.761.724
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>9.155.601.100</b>	<b>9.155.601.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.155.601.100	9.155.601.100
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122.185.925.498</b>	<b>135.215.160.681</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		114.461.653.658	129.921.398.509
2. Trả trước cho người bán	132		7.146.395.500	3.843.012.122
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	577.876.340	1.450.750.050
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.919.718.858</b>	<b>257.063.578.523</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	249.919.718.858	257.063.578.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.5	<b>6.453.254.820</b>	<b>12.397.585.760</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.500.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.461.274.972	11.133.713.805
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		313.078.322	728.811.371
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		458.401.526	535.060.584
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>138.140.916.895</b>	<b>133.241.378.218</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>113.712.916.895</b>	<b>108.741.378.218</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	82.764.361.677	77.414.102.109
<i>Nguyên giá</i>	222		203.395.601.533	183.883.368.657
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(120.631.239.856)	(106.469.266.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	<b>224</b>			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	29.580.358.937	30.175.876.109
<i>Nguyên giá</i>	228		33.795.342.684	33.536.742.684
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.214.983.747)	(3.360.866.575)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>230</b>	V.8	1.368.196.281	1.151.400.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.9	<b>24.182.000.000</b>	<b>24.182.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.510.000.000	19.510.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.100.000.000	10.100.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.428.000.000)	(5.428.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>246.000.000</b>	<b>318.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>580.189.291.488</b>	<b>561.275.066.006</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>148.187.632.633</b>	<b>151.831.628.953</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.503.300.493</b>	<b>132.861.735.681</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		35.375.199.920	51.049.197.599
3. Người mua trả tiền trước	313		8.560.700.229	3.197.388.725
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.10	20.006.707.224	12.752.183.489
5. Phải trả người lao động	315		6.379.438.013	10.596.193.016
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	27.473.030.825	22.880.643.846
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.12	29.708.224.282	32.386.129.006
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.684.332.140</b>	<b>18.969.893.272</b>
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	273.782.149
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.13	16.000.000.000	16.000.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.684.332.140	2.696.111.123
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>432.001.658.855</b>	<b>409.443.437.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>431.701.658.855</b>	<b>408.225.817.653</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		101.159.320.000	101.159.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		108.706.704.458	108.706.704.458
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.487.151.158)	(8.160.533.158)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(175.256.035)	(159.408.412)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		226.382.109.590	196.630.318.232
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.115.932.000	10.049.416.533
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>300.000.000</b>	<b>1.217.619.400</b>
1. Nguồn kinh phí	432		300.000.000	1.217.619.400
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>580.189.291.488</b>	<b>561.275.066.006</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			
5.	Ngoại tệ các loại:			
	- USD		1.206.848,78	19.363,73
	- EUR		449,59	460,51

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
HÓA-ĐƯỢC PHÁP  
BIỆP PHÁP  
QUẬN 11 TP.HỒ CHÍ MINH

ĐS. Huỳnh Thị Lan



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính : **Đồng**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>313.139.332.957</b>	<b>283.522.429.383</b>	<b>1.101.203.241.528</b>	<b>1.045.360.813.765</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.2	164.370.362	118.330.024	422.792.859	606.116.965
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.3	<b>312.974.962.595</b>	<b>283.404.099.359</b>	<b>1.100.780.448.669</b>	<b>1.044.754.696.800</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	250.799.424.805	229.461.617.617	887.727.759.080	848.524.854.090
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>62.175.537.790</b>	<b>53.942.481.742</b>	<b>213.052.689.589</b>	<b>196.229.842.710</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	VI.5	<b>568.995.463</b>	<b>2.396.780.700</b>	<b>1.307.964.974</b>	<b>7.537.660.346</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	VI.6	<b>171.101.997</b>	<b>5.436.082.151</b>	<b>1.502.087.143</b>	<b>6.164.333.903</b>
Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	272.622.996	459.115.106	403.183.752
8. Chi phí bán hàng	24		15.837.295.489	13.969.232.775	52.777.199.362	44.794.724.699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.182.309.741	16.036.930.048	59.524.942.720	55.058.394.293
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27.553.826.026</b>	<b>20.897.017.468</b>	<b>100.556.425.338</b>	<b>97.750.050.161</b>
<b>11 Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	VI.7	<b>677.684.002</b>	<b>1.695.154.454</b>	<b>4.553.881.899</b>	<b>3.389.282.931</b>
12 Chi phí khác	32	VI.8	1.118.178	213.660.466	2.542.618.203	215.364.405
<b>13 Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>676.565.824</b>	<b>1.481.493.988</b>	<b>2.011.263.696</b>	<b>3.173.918.526</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>28.230.391.850</b>	<b>22.378.511.456</b>	<b>102.567.689.034</b>	<b>100.923.968.687</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	11.436.967.471	8.243.750.616	32.085.424.361	23.952.842.062
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>16.793.424.379</b>	<b>14.134.760.840</b>	<b>70.482.264.673</b>	<b>76.971.126.625</b>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>				<b>7.164</b>	<b>8.090</b>

TP.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



CN. Lê Thị Thu Hương

CN. Lê Thị Thúy Hằng

ĐS. Huỳnh Thị Lan



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>102.567.689.034</b>	<b>100.923.968.687</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			<b>16.005.088.773</b>	<b>12.847.465.204</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.832.847.963	15.959.040.909
- Các khoản dự phòng	03			2.628.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.286.874.296)	(6.142.759.457)
- Chi phí lãi vay	06		459.115.106	403.183.752
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>118.572.777.807</b>	<b>113.771.433.891</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.194.066.123	(18.419.820.886)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.143.859.665	(48.918.164.567)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.714.463.879	23.889.946.141
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(148.500.000)	(93.484.327)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(459.115.106)	(403.183.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(23.726.964.162)	(20.658.493.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		71.337.001.304	47.563.701.704
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(105.055.631.573)	(65.993.346.992)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>91.571.957.937</b>	<b>30.738.587.711</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.345.786.640)	(19.027.761.383)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.858.009.092	487.155.291
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		970.265.204	5.655.604.166
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20.517.512.344)</b>	<b>(12.885.001.926)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(6.326.618.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		26.483.963.375	13.551.127.410
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.483.963.375)	(13.551.127.410)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.595.715.000)	(30.761.479.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.922.333.000)</b>	<b>(30.761.479.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</b>	<b>50</b>		<b>40.132.112.593</b>	<b>(12.907.893.215)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>14.201.761.724</b>	<b>27.109.654.939</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>54.333.874.317</b>	<b>14.201.761.724</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

CN. Lê Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



DS. Huỳnh Thị Lan

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

**BẢN THUYẾT MINH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Thành lập**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh số	Ngày
Đăng ký thay đổi lần thứ 01	ngày 21 tháng 10 năm 2005
Đăng ký thay đổi lần thứ 02	ngày 14 tháng 04 năm 2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 03	ngày 19 tháng 12 năm 2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 04	ngày 11 tháng 07 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 05	ngày 15 tháng 09 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 06	ngày 17 tháng 10 năm 2009
Đăng ký thay đổi lần thứ 07	ngày 30 tháng 09 năm 2010
Đăng ký thay đổi lần thứ 08	ngày 02 tháng 12 năm 2010
Đăng ký thay đổi lần thứ 09	ngày 23 tháng 11 năm 2011.
Đăng ký thay đổi lần thứ 10	ngày 01 tháng 12 năm 2011.
Đăng ký thay đổi lần thứ 11	ngày 08 tháng 08 năm 2012.
Đăng ký thay đổi lần thứ 12	ngày 15 tháng 08 năm 2012.

Địa chỉ trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công Ty có các chi nhánh:

*Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội*

*Chi nhánh tại Đà Nẵng: 70 Phạm Văn Nghị, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng*

*Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ*

- 2. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 3. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 4. Ngành nghề kinh doanh** :

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Bán buôn thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dụng cụ y tế. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Bán lẻ thuốc. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược. Sản xuất hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm công nghệ chế biến. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hoá chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản; dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; cho thuê căn hộ. Bán buôn hàng may mặc. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý). Tư vấn chuyển giao công nghệ. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý môi giới (trừ môi giới bất động sản) ./.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :** không có

**6. Tổng số nhân viên đến cuối kỳ :** 741 người

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi bổ sung .

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Báo cáo tài chính được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 – Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm :**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra .

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng hoá tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ( TSCĐ) :**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**Phương pháp khấu hao Tài sản cố định**

Khấu hao được dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của Tài sản cố định phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính .

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm : chi phí mua sắm mới tài sản cố định.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của các Công ty đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo nguyên tắc ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sao đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: cổ phiếu,.... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này phản ánh trên báo cáo tài chính theo nguyên tắc ghi nhận theo giá gốc.

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công Ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ sách kế toán của các khoản đầu tư.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

**Chi phí trả trước ngắn hạn tại công ty:** là chi phí lưu trữ của ngân hàng tế bào gốc. Chi phí này được phân bổ theo số lượng mẫu tế bào lưu trữ trong kỳ.

## **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám Đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác :**

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để huỷ bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết mệnh giá và phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:** Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

+ **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** được ghi nhận số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại Hội Đồng cổ đông hàng năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp ( đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác, lãi tỷ giá hối đoái ...)

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của công ty là toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và khoản lãi vay phải trả cho ngân hàng. Khoản chi phí này được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính:

Số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch ngân hàng Ngoại Thương công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2012 : 20.800 VND/USD  
27.301 VND/EUR

**14. Công cụ tài chính**

**• Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niên yết và không được niên yết và các công cụ tài chính phát sinh.

**• Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu, theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**• Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**• Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.281.281.263	1.819.716.487
Tiền gửi ngân hàng	52.052.593.054	12.382.045.237
Trong đó : + VNĐ	26.937.864.171	12.353.244.927
+ USD	25.114.728.883	28.800.310
Các khoản tiền tương đương		0
<b>Cộng</b>	<b><u>54.333.874.317</u></b>	<b><u>14.201.761.724</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
- Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
- Công ty CP Bao Bì Dược	329.500	5.152.500.000	329.500	5.152.500.000
- Công ty CP Dược Phẩm OPC ( Mã CK: OPC)	10.230	203.101.100	10.230	203.101.100
<b>Cộng</b>	<b><u>483.730</u></b>	<b><u>9.155.601.100</u></b>	<b><u>483.730</u></b>	<b><u>9.155.601.100</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BH Y Tế , BH Xã Hội , Kinh phí Công Đoàn	280.917.050	184.169.556
- Chi phí thẩm định khu đất Ngõ thời nhiệm	270.682.283	270.682.283
- Thu Khác	26.277.007	995.898.211
<b>Cộng</b>	<b><u>577.876.340</u></b>	<b><u>1.450.750.050</u></b>

**4. Hàng Tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	142.673.585.068	150.431.810.969
Công cụ, dụng cụ	1.509.495.225	967.793.248
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.298.043.292	33.555.795.726
Thành phẩm	74.329.764.355	71.863.399.040
Hàng hoá	108.830.918	244.779.540
<b>Cộng</b>	<b><u>249.919.718.858</u></b>	<b><u>257.063.578.523</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. Tài sản ngắn hạn khác**

Chi phí trả trước ngắn hạn	220.500.000	
Thuế GTGT còn được khấu trừ	5.461.274.972	11.133.713.805
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	313.078.322	728.811.371
Tài sản ngắn hạn khác	458.401.526	535.060.584
. Tạm ứng	321.921.526	119.254.984
. Ký quỹ ngắn hạn	-	391.269.600
. Chi sự nghiệp năm nay	136.480.000	24.536.000
<b>Cộng</b>	<b>6.453.254.820</b>	<b>12.397.585.760</b>

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>44.449.094.298</b>	<b>91.677.874.666</b>	<b>8.604.088.143</b>	<b>39.152.311.550</b>	<b>183.883.368.657</b>
Tăng trong kỳ	5.345.168.952	8.675.678.816	2.629.544.545	4.678.598.046	21.328.990.359
. Mua trong năm		8.675.678.816	2.629.544.545	4.678.598.046	15.983.821.407
. Đầu tư XDCB hoàn thành	5.345.168.952				5.345.168.952
Giảm trong kỳ		815.273.613	20.000.000	981.483.870	1.816.757.483
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.794.263.250</b>	<b>99.538.279.869</b>	<b>11.213.632.688</b>	<b>42.849.425.726</b>	<b>203.395.601.533</b>
. Trong đó : Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.918.949.174	36.906.596.734	3.067.830.393	12.749.643.761	54.643.020.062
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>18.639.705.753</b>	<b>61.396.818.656</b>	<b>4.844.015.954</b>	<b>21.588.726.185</b>	<b>106.469.266.548</b>
Khấu hao trong kỳ	2.749.851.994	8.313.465.217	1.041.179.800	3.874.233.780	15.978.730.791
Giảm trong kỳ	-	815.273.613	20.000.000	981.483.870	1.816.757.483
. Thanh lý nhượng bán		815.273.613	20.000.000	981.483.870	1.816.757.483
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.389.557.747</b>	<b>68.895.010.260</b>	<b>5.865.195.754</b>	<b>24.481.476.095</b>	<b>120.631.239.856</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>25.809.388.545</b>	<b>30.281.056.010</b>	<b>3.760.072.189</b>	<b>17.563.585.365</b>	<b>77.414.102.109</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.404.705.503</b>	<b>30.643.269.609</b>	<b>5.348.436.934</b>	<b>18.367.949.631</b>	<b>82.764.361.677</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Bảng quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Tổng Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	31.273.231.684	2.263.511.000	33.536.742.684
Tăng trong kỳ	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Giảm trong kỳ	2.541.400.000	-	2.541.400.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.531.831.684</b>	<b>2.263.511.000</b>	<b>33.795.342.684</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư đầu năm	1.748.866.575	1.612.000.000	3.360.866.575
Khấu hao trong kỳ	528.361.668	325.755.504	854.117.172
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.277.228.243</b>	<b>1.937.755.504</b>	<b>4.214.983.747</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	29.524.365.109	651.511.000	30.175.876.109
Số dư cuối kỳ	29.254.603.441	325.755.496	29.580.358.937

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí phần mềm kế toán dở dang	1.239.747.000	1.151.400.000
Chi phí phần mềm quản lý nhân sự	48.889.942	
Chi phí thiết kế nhà Chi nhánh Đà Nẵng	27.272.730	
Chi phí HT điện dây chuyên thuộc nhỏ mắt	52.286.609	
<b>Cộng</b>	<b>1.368.196.281</b>	<b>1.151.400.000</b>

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Tỷ lệ CP sở hữu %</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết, dài hạn khác			
+ Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	22%	18.510.000.000	18.510.000.000
+ Công ty CP Dược Phẩm Mekông	22%	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán VN Tiger Fund	2%	10.100.000.000	10.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(5.428.000.000)	(5.428.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>24.182.000.000</b>	<b>24.182.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	313.078.322	569.365.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.105.159.036	11.746.698.837
Thuế thu nhập cá nhân	(599.914.887)	343.879.584
Thuế nhập khẩu	188.384.753	92.240.018
<b>Cộng</b>	<b><u>20.006.707.224</u></b>	<b><u>12.752.183.489</u></b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BH Y Tế, BH Xã Hội , Kinh phí Công Đoàn	454.992.548	404.121.032
- Kinh Phí để tài Mekostem	177.595.069	177.595.069
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	19.676.572.000	14.950.171.500
- Hội đồng Quản trị	77.000.000	267.000.000
- Phải trả khác	7.086.871.208	7.081.756.245
<b>Cộng</b>	<b><u>27.473.030.825</u></b>	<b><u>22.880.643.846</u></b>

**12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	13.386.370.402	5.637.197.174	(8.674.425.930)	10.349.141.646
Quỹ phúc lợi	18.999.758.604	5.932.896.174	(5.573.572.142)	19.359.082.636
<b>Cộng</b>	<b><u>32.386.129.006</u></b>	<b><u>11.570.093.348</u></b>	<b><u>(14.247.998.072)</u></b>	<b><u>29.708.224.282</u></b>

**13. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước từ lãi sau thuế dự phòng các dự án nghiên cứu khoa học.	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>

**14. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :***

Thông tin về biến động của chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Nhà nước (29%)	29.403.000.000	29.403.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (71%)	71.756.320.000	71.756.320.000
- Thặng dư vốn cổ phần	108.706.704.458	108.706.704.458
- Cổ phiếu quỹ	(14.487.151.158)	(8.160.533.158)
<b>Cộng</b>	<b>195.378.873.300</b>	<b>201.705.491.300</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký pháp hành	10.115.932	10.115.932
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.115.932	10.115.932
Số lượng cổ phiếu được mua lại	277.646	149.151
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.838.286	9.966.781
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	711.734.247.743	720.336.948.767
- Doanh thu dịch vụ ngân hàng tề bào gốc	16.320.806.704	9.372.737.115
- Doanh thu bán hàng hoá	359.693.243.945	295.054.725.560
- Doanh thu bán vật tư	11.000.397.682	18.245.493.231
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.454.545.454	2.350.909.092
<b>Cộng</b>	<b>1.101.203.241.528</b>	<b>1.045.360.813.765</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Hàng bán trả lại	422.792.859	606.116.965
- Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>422.792.859</b>	<b>606.116.965</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	711.311.596.598	719.730.831.802
- Doanh thu dịch vụ ngân hàng tể bào gốc	16.320.806.704	9.372.737.115
- Doanh thu bán hàng hoá	359.693.102.231	295.054.725.560
- Doanh thu bán vật tư	11.000.397.682	18.245.493.231
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.454.545.454	2.350.909.092
<b>Cộng</b>	<b>1.100.780.448.669</b>	<b>1.044.754.696.800</b>

**4. Giá vốn hàng bán :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Giá vốn thành phẩm bán ra	514.416.249.617	534.874.084.535
- Giá vốn dịch vụ ngân hàng tể bào gốc	5.676.647.818	3.633.983.455
- Giá vốn hàng hoá bán ra	357.512.970.560	293.243.929.110
- Giá vốn vật tư, dịch vụ đã cung cấp	10.121.891.085	16.772.856.990
<b>Cộng</b>	<b>887.727.759.080</b>	<b>848.524.854.090</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	746.254.500	4.954.544.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	337.699.770	1.882.056.180
- Lãi tiền gửi ngân hàng	224.010.704	701.059.666
<b>Cộng</b>	<b>1.307.964.974</b>	<b>7.537.660.346</b>

**6. Chi phí tài chính :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Lãi tiền vay	459.115.106	403.183.752
- Phí rút tiết kiệm trước hạn		61.071.583
- Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn		2.628.000.000
- Chênh lệch tỷ giá	1.042.972.037	3.072.078.568
<b>Cộng</b>	<b>1.502.087.143</b>	<b>6.164.333.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****7. Thu nhập khác :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Bán tài sản cố định	2.858.009.092	487.155.291
- Thu nhập khác	1.695.872.807	2.902.127.640
<b>Cộng</b>	<b>4.553.881.899</b>	<b>3.389.282.931</b>

**8. Chi phí khác :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Giá vốn của Tài sản	2.541.400.000	-
- Chi phí khác	1.218.203	215.364.405
<b>Cộng</b>	<b>2.542.618.203</b>	<b>215.364.405</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>102.567.689.034</b>	<b>100.923.968.687</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>25.774.008.409</b>	<b>18.056.256.548</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	26.520.262.909	23.010.801.048
- Các khoản điều chỉnh giảm	(746.254.500)	(4.954.544.500)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)</b>	<b>128.341.697.443</b>	<b>118.980.225.235</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành</b>	<b>32.085.424.361</b>	<b>23.952.842.062</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	520.785.432.104	529.738.235.430
- Chi phí nhân công	66.020.408.800	68.400.531.175
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.832.847.963	15.959.040.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.456.782.451	12.562.829.385
- Chi phí khác	17.456.785.432	18.397.237.650
<b>Cộng</b>	<b>634.552.256.750</b>	<b>645.057.874.549</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

### 1. Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
- Công ty TNHH Bệnh viện TN Đa khoa An Sinh	Công ty liên kết	Bán hàng cho Công ty liên kết	5.049.106.258	499.071.049
- Công ty CP Dược phẩm Mekong	Công ty liên kết	Bán hàng cho Công ty liên kết ( Phải thu )	13.837.665.048	2.071.543.133
		Mua hàng từ Công ty liên kết ( Phải trả )	7.923.802.939	73.551.754

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

CN. Lê Thị Thúy Hằng

Tổng Giám đốc



DS. Huỳnh Thị Lan



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính : Đồng*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>92.100.000.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(8.160.533.158)</b>	<b>169.243.289.432</b>	<b>10.049.416.533</b>	<b>(120.868.425)</b>		<b>371.818.008.840</b>
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ							76.971.126.625	<b>76.971.126.625</b>
- Tăng vốn	9.059.320.000			(9.059.320.000)				-
- Hoàn nhập lại chênh lệch ngoại tệ cuối năm trước						120.868.425		<b>120.868.425</b>
- Đàng giá lại ngoại tệ cuối kỳ						(159.408.412)		<b>(159.408.412)</b>
- Trích khen thưởng HĐQT năm 2011							(267.000.000)	<b>(267.000.000)</b>
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2011				36.446.348.800			(36.446.348.800)	-
- Chia Cổ tức cho cổ đông							(24.916.952.500)	<b>(24.916.952.500)</b>
- Trích quỹ KT & PL từ lãi 2011							(15.340.825.325)	<b>(15.340.825.325)</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>101.159.320.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(8.160.533.158)</b>	<b>196.630.318.232</b>	<b>10.049.416.533</b>	<b>(159.408.412)</b>	-	<b>408.225.817.653</b>
- Số dư đầu năm nay	101.159.320.000	108.706.704.458	(8.160.533.158)	196.630.318.232	10.049.416.533	(159.408.412)	-	<b>408.225.817.653</b>
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ							70.482.264.673	<b>70.482.264.673</b>
- Hoàn nhập lại chênh lệch ngoại tệ cuối năm trước						159.408.412		<b>159.408.412</b>
- Mua lại cổ phiếu quỹ			(6.326.618.000)					<b>(6.326.618.000)</b>
- Đàng giá lại ngoại tệ cuối kỳ						(175.256.035)		<b>(175.256.035)</b>
- Trích khen thưởng HĐQT năm 2012							(77.000.000)	<b>(77.000.000)</b>
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2012				29.751.791.358	66.515.467		(29.818.306.825)	-
- Chia Cổ tức cho cổ đông							(29.322.115.500)	<b>(29.322.115.500)</b>
- Trích quỹ KT & PL từ lãi 2012							(11.264.842.348)	<b>(11.264.842.348)</b>
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>101.159.320.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(14.487.151.158)</b>	<b>226.382.109.590</b>	<b>10.115.932.000</b>	<b>(175.256.035)</b>	-	<b>431.701.658.855</b>